

Bản án số: 75/2026/HNGĐ-ST

Ngày 13-4-2026

V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thống.

Ông Trần Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thật là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích N, sinh năm 1982. Căn cước công dân số: 096182000558.

Nơi cư trú: Ấp X Trong, xã N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Hồ Thanh T, sinh năm 1978. Căn cước công dân số: 096078000299.

Nơi cư trú: Ấp X Trong, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Lê Thị Bích N trình bày tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2025 và tại biên bản hòa giải ngày 31/12/2025:

- Về hôn nhân: Bà N và ông T được mai mối nên chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, có lúc cự cãi ông T có đánh bà N, mâu thuẫn kéo dài, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2025 đến nay mà không thể hàn gắn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 02 người con tên **Hồ Ngọc H** (nữ), sinh ngày 12/10/2004 và **Hồ Bích N1** (nữ), sinh ngày 30/11/2008. **Ngọc H** đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, bà **N** có nguyện vọng nuôi dưỡng **Bích N1**.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông **Hồ Thanh T** trình bày tại biên bản hòa giải ngày 31/12/2025, tại bản tự khai ngày 31/12/2025 và ngày 12/02/2026:

- Về hôn nhân: Vào năm 2003, do được mai mối nên ông **T** và bà **N** đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Hôn nhân ban đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Bà **N** yêu cầu ly hôn thì ông **T** đồng ý ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm. Nhưng ông **T** đề nghị Tòa án gia hạn vụ án đến tháng 6 năm 2026 để cháu **N1** hoàn thành kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

- Về con chung: Có 02 người con tên **Hồ Ngọc H** (nữ), sinh ngày 12/10/2004 và **Hồ Bích N1** (nữ), sinh ngày 30/11/2008. **Ngọc H** đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, bà **N** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Bích Ngọc thì ông **T** đồng ý.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà **N** không nhớ có đăng ký kết hôn hay không do thời gian lâu. Tại phiên tòa hôm nay bà **N** vẫn cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng với ông **T**. Bà đã cố gắng duy trì hôn nhân từ năm 2003 cho đến nay vì các con, vì cái nghĩa với ông **T** nhưng bà **N** không có tình cảm vợ chồng với ông **T** dù đã cố gắng. Vợ chồng cũng đã sống ly thân nửa năm qua, không quan tâm, lo lắng cho nhau nên không thể duy trì tiếp cuộc hôn nhân. Các con cũng biết tình trạng hôn nhân và đồng ý để bà **N** nộp đơn ly hôn với ông **T** vì thấy cha mẹ mâu thuẫn trong cuộc sống. Khi ly hôn, bà **N** tự nguyện giao **Bích N1** cho ông **T** trực tiếp nuôi dưỡng để thuận tiện việc đi học của con, không cấp dưỡng. Ngoài ra không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ.

- Ông **T** xác định hôn nhân có đăng ký kết hôn, do không muốn ly hôn nên ông **T** che giấu việc đăng ký kết hôn. Ông **T** muốn hàn gắn hôn nhân để chăm lo cho các con. Theo ông **T** việc bà **N** xin ly hôn là do bà **N** có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên muốn ly hôn chứ không phải vợ chồng không có tình cảm, vì ông bà đã sống với nhau từ năm 2003 cho đến nay. Lý do ly hôn của bà **N** chỉ để biện minh cho việc ngoại tình. Ông **T** muốn bà **N** rút lại đơn ly hôn để vợ chồng có thể tìm cách giải quyết mâu thuẫn, ông **T** đồng ý bỏ qua việc bà **N** ngoại tình. Ông **T**

thừa nhận có cự cãi và đánh bà N 2 lần nhưng do bà N không đúng chuẩn mực làm vợ. Trường hợp ly hôn thì điều kiện ly hôn là bà N phải để lại tài sản cho các con vì ông T sợ bà N sau này không thực hiện lời hứa cho các con tài sản mà tiêu tán hết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng

Bà N xin ly hôn với ông T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do bị đơn cư trú tại ấp X, xã N, tỉnh Cà Mau nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau.

[2]. Về nội dung vụ án

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà N và ông T khai nhận cả hai cưới nhau vào năm 2003 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 11 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N (cũ), tỉnh Cà Mau (nay là xã N, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận kết hôn số 343, quyển số 02-2003 ông T nộp cho Tòa án tại phiên tòa. Theo nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N tại Công văn số 624/UBND-TP ngày 13/4/2026 thì bà Lê Thị Bích N và ông Hồ Thanh T có đăng ký kết hôn và được UBND xã H (trước sáp nhập) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 343, ngày 17 tháng 11 năm 2003. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà N và ông T được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Nhận thấy, trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông T đã xảy ra mâu thuẫn mà không tìm ra cách khắc phục và không tìm được cách hàn gắn hôn nhân. Ông T không đồng ý ly hôn vì muốn ràng buộc bà N có trách nhiệm với các con. Bà N xác định không có tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống, ông T cũng không trả lời được nếu hàn gắn thì ông bà có thể giải quyết mâu thuẫn và sống hạnh phúc hay không. Nhận thấy, ông bà đã sống ly thân từ năm 2025 đến nay mà không thể hàn gắn, vợ chồng không diễn ra quan hệ tình cảm, chứng tỏ ông bà không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau mà mỗi người chỉ biết bổn phận người đó, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những lẽ đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, cho ly hôn giữa bà N với ông T theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 02 người con tên Hồ Ngọc H (nữ), sinh ngày 12/10/2004 và Hồ Bích N1 (nữ), sinh ngày 30/11/2008. Ngọc H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, bà N đề nghị giao Bích N1 để ông T trực tiếp nuôi dưỡng và ông T đồng ý nuôi Bích N1. Do hai đương sự không muốn ảnh hưởng đến việc học của Bích N1 nên không đồng ý cho Tòa án tiếp cận Bích N1 nên Hội đồng xét xử không ghi nhận trực tiếp nguyện vọng của Bích N1. Nhưng xét thấy cháu N1

đang đi học tại địa phương, gần đến kì thi và bà **N**, ông **T** thỏa thuận được người trực tiếp nuôi **N1** nên Hội đồng xét xử giao **Bích N1** để ông **T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng: Hai đương sự không yêu cầu.

[2.4] Về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra yêu cầu. Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận khởi kiện của bà **Lê Thị Bích N** xin ly hôn với ông **Hồ Thanh T**. Cho bà **Lê Thị Bích N** được ly hôn với ông **Hồ Thanh T**.

2. Về con chung: Giao cháu **Hồ Bích N1** (nữ), sinh ngày 30/11/2008 cho ông **Hồ Thanh T** trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

4. Về chia tài sản chung và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà **N** chịu án phí 300.000 đồng, nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0006101 ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ, án phí hôn nhân nguyên đơn đã nộp đủ.

6. Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND KV5-Cà Mau;
- Phòng THA DS KV5-Cà Mau;
- UBND xã Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thùy Linh